

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 29



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2021)
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)
Bà Lê Hoàng Như Yên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)
Ông Thái Văn Toàn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021)
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành
Tổng giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Số: 31/2021/SX-RSMHCM**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		453.987.852.736	321.970.324.244
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	108.749.009.496	73.742.876.908
1. Tiền	111		73.958.173.462	46.283.474.241
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.790.836.034	27.459.402.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	96.075.000.000	62.599.856.324
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	11.275.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		79.550.000.000	51.324.856.324
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.075.462.183	185.627.158.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	182.326.590.498	125.803.034.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	52.860.461.810	45.497.861.283
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	17.993.752.361	16.513.142.435
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.105.342.486)	(2.186.879.708)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.381.057	432.636
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	88.381.057	432.636
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		260.134.176.368	259.615.393.218
I. Tài sản cố định	220		37.944.653.131	39.629.690.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	36.826.387.383	38.476.806.572
Nguyên giá	222		104.669.148.785	103.984.869.468
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.842.761.402)	(65.508.062.896)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.118.265.748	1.152.884.002
Nguyên giá	228		3.469.823.186	3.576.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.351.557.438)	(2.423.454.784)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		147.239.000	306.108.900
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.239.000	306.108.900
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	221.169.934.207	218.465.736.871
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		188.280.000.000	188.280.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.623.200.000	19.038.200.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(733.265.793)	(852.463.129)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		872.350.030	1.213.856.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		872.350.030	1.213.856.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		714.122.029.104	581.585.717.462

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		498.057.512.436	371.375.784.271
I. Nợ ngắn hạn	310		436.433.455.902	370.375.784.271
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	167.487.853.918	123.562.888.014
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.093.665.723	1.083.422.059
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	4.907.682.347	2.506.041.504
4. Phải trả người lao động	314	4.11	9.109.814.526	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	-	121.045.542
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	3.393.477.594	5.194.754.094
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	250.432.768.415	237.904.550.791
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.193.379	3.082.267
II. Nợ dài hạn	330		61.624.056.534	1.000.000.000
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.12	1.750.039.967	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	1.146.350.000	1.000.000.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	58.727.666.567	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.064.516.668	210.209.933.191
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	216.064.516.668	210.209.933.191
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	45.544.394.511
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		531.977.480	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.000.000.000	12.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.915.008.917	24.592.402.920
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		24.592.402.920	10.697.722.401
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.322.605.997	13.894.680.519
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		714.122.029.104	581.585.717.462



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	592.626.526.795	333.628.430.588
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		592.626.526.795	333.628.430.588
3. Giá vốn hàng bán	11	4.19	565.632.930.843	318.887.093.668
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.993.595.952	14.741.336.920
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	3.094.633.956	2.972.036.119
6. Chi phí tài chính	22	4.21	10.200.450.857	7.027.633.239
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.793.237.256	6.406.483.484
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	14.235.461.591	9.030.364.019
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.652.317.460	1.655.375.781
9. Thu nhập khác	31		268.135.542	177.932.127
10. Chi phí khác	32		286.349.069	340.563.734
11. Lợi nhuận khác	40		(18.213.527)	(162.631.607)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.634.103.933	1.492.744.174
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	311.497.936	660.582.265
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.322.605.997	832.161.909



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.634.103.933	1.492.744.174
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.23	2.420.481.222	3.212.664.949
Các khoản dự phòng	03		1.799.265.442	92.530.394
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.21	346.389.407	152.023.558
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.423.787.785)	(2.429.610.349)
Chi phí lãi vay	06	4.21	9.793.237.256	6.406.483.484
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.569.689.475	8.926.836.210
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.454.715.006)	(21.204.534.995)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.070.136.053	328.324.500
Tăng giảm chi phí trả trước	12		341.506.843	506.858.526
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5.250.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.935.028.242)	(6.406.483.484)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.571.781.528)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(802.888.888)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.461.299.765)	(19.920.780.771)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(576.573.879)	(36.900.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	680.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(39.407.068.073)	(6.060.570.171)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.181.924.397	600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.585.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.725.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.423.787.785	2.261.800.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.962.929.770)	6.169.330.416

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		531.977.480	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	638.094.975.201	301.125.209.298
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(566.844.135.057)	(294.127.213.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.782.817.624	6.997.995.693
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		35.358.588.089	(6.753.454.662)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		73.742.876.908	67.517.808.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(352.455.501)	(83.870.919)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	108.749.009.496	60.680.482.897
(70 = 50+60+61)				



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	23,25	27.780.000.000	23,25
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	18.591.400.000	15,56	18.591.400.000	15,56
Lionas Fund Co.,LTD	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53	9.000.000.000	7,53
Các đối tượng khác		17.367.650.000	14,54	17.367.650.000	14,54
Cộng		119.490.050.000	100	119.490.050.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 237 (01 tháng 01 năm 2021 là: 235).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận và tiếp vận, ngành nghề này có xu hướng tăng trưởng mạnh trong 06 tháng đầu năm 2021. Tác động của đại dịch Covid-19 làm cho đơn giá cước và khối lượng vận chuyển gia tăng, do đó doanh thu kỳ này của Công ty đã tăng 77,6% so với kỳ trước, cụ thể:

- Doanh thu cước vận chuyển hàng không tăng 34%;
- Doanh thu cước vận chuyển đường biển tăng 201%;
- Doanh thu từ các dịch vụ khác tăng 75%.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipeç	Bán đảo Đình Vũ - Khu KT Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30%	30%	30%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 là chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2020.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	765.544.708	5.194.219.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.192.628.754	41.089.254.426
Các khoản tương đương tiền	34.790.836.034	27.459.402.667
Cộng	108.749.009.496	73.742.876.908

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.706.368.000	-	6.900.000.000	8.644.734.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	9.625.000.000	10.158.750.000	-	4.375.000.000	9.135.000.000	-
Cộng	16.525.000.000	19.865.118.000	-	11.275.000.000	17.779.734.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,5% đến 5,5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	188.280.000.000	(*)	188.280.000.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	(*)	2.260.000.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	19.363.200.000	(*)	16.778.200.000	(*)
Cộng	21.623.200.000		19.038.200.000	(852.463.129)
Tổng cộng	221.903.200.000		219.318.200.000	(852.463.129)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	351.192.296	385.897.000
Phải thu từ khách hàng:		
Ew Logistics	12.955.539.450	1.105.020.150
Công ty TNHH Everstar Sealandair	8.130.849.127	-
Công ty TNHH Seojin Auto	5.346.958.728	729.752.064
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	5.300.180.797
Các khách hàng khác	150.241.870.100	118.282.184.355
Cộng	<u>182.326.590.498</u>	<u>125.803.034.366</u>

Tại ngày 30/6/2021, mỗi đối tượng của các khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	47.564.983.631	39.808.746.796
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	4.731.583.101	4.684.236.602
Các nhà cung cấp khác	563.895.078	1.004.877.885
Cộng	<u>52.860.461.810</u>	<u>45.497.861.283</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	9.457.460.000	-	8.201.960.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.156.915.011	-	2.952.700.421	-
Phải thu khác	5.311.071.961	-	5.293.012.925	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	68.305.389	-	65.469.089	-
Cộng	17.993.752.361	-	16.513.142.435	-

Tại ngày 30/6/2021, mỗi đối tượng phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	2.650.090.398	-	-
Các khách hàng khác	618.163.984	278.532.627	3.169.463.356	2.098.204.378
Cộng	7.033.965.511	2.928.623.025	4.285.084.086	2.098.204.378

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	52.386.197.589	10.770.708.915	39.263.020.556	765.572.408	799.370.000	103.984.869.468
Mua trong kỳ	-	98.440.000	-	-	56.100.000	154.540.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	580.903.779	-	-	-	-	580.903.779
Thanh lý	-	-	-	(51.164.462)	-	(51.164.462)
Tại ngày 30/06/2021	52.967.101.368	10.869.148.915	39.263.020.556	714.407.946	855.470.000	104.669.148.785
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	20.106.786.605	7.377.487.477	36.613.069.084	611.349.730	799.370.000	65.508.062.896
Khấu hao trong kỳ	1.458.882.647	399.185.142	486.730.256	33.222.989	7.841.934	2.385.862.968
Thanh lý	-	-	-	(51.164.462)	-	(51.164.462)
Tại ngày 30/06/2021	21.565.669.252	7.776.672.619	37.099.799.340	593.408.257	807.211.934	67.842.761.402
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	32.279.410.984	3.393.221.438	2.649.951.472	154.222.678	-	38.476.806.572
Tại ngày 30/06/2021	31.401.432.116	3.092.476.296	2.163.221.216	120.999.689	48.258.066	36.826.387.383

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 của TSCĐ hữu hình là 748.993.307 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 38.619.774.211 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	2.642.410.677	933.928.109	3.576.338.786
Thanh lý, nhượng bán	-	(106.515.600)	(106.515.600)
Tại ngày 30/06/2021	<u>2.642.410.677</u>	<u>827.412.509</u>	<u>3.469.823.186</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	1.574.038.353	849.416.431	2.423.454.784
Khấu hao trong kỳ	8.158.122	26.460.132	34.618.254
Thanh lý, nhượng bán	-	(106.515.600)	(106.515.600)
Tại ngày 30/06/2021	<u>1.582.196.475</u>	<u>769.360.963</u>	<u>2.351.557.438</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	1.068.372.324	84.511.678	1.152.884.002
Tại ngày 30/06/2021	<u>1.060.214.202</u>	<u>58.051.546</u>	<u>1.118.265.748</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.080.963.578 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	154.347.662	154.347.662	170.689.408	170.689.408
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co.,	63.623.445.759	63.623.445.759	51.784.365.011	51.784.365.011
VP bán vé Hãng hàng không Korean Air tại TP. Hà Nội	29.434.241.222	29.434.241.222	10.597.206.674	10.597.206.674
CN Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế tại Hà Nội	6.378.190.541	6.378.190.541	-	-
Công ty TNHH An Phát 68	4.392.856.400	4.392.856.400	341.403.020	341.403.020
Qatar Airways Group	1.849.824.868	1.849.824.868	4.844.260.932	4.844.260.932
Phải trả cho các đối tượng khác	61.654.947.466	61.654.947.466	55.824.962.969	55.824.962.969
Cộng	167.487.853.918	167.487.853.918	123.562.888.014	123.562.888.014

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	454.636	-	3.687.242.198	1.968.818.600	-	562.572.777
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	1.067.477.459	-	22.000	432.636	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	574.696.578	3.427.538.207	3.271.212.677	-	755.979.523
Thuế thu nhập cá nhân	-	330.543.090	332.924.090	2.381.000	-	418.371.048
Thuế nhà đất	-	653.968.845	3.475.119.989	3.590.269.300	-	769.118.156
Các loại thuế khác	-	-	-	109.889.243	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	87.926.421	-	21.962.822	-	-	-
Cộng	88.381.057	4.907.682.347	11.256.285.242	8.942.592.820	432.636	2.506.041.504

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là tiền thưởng và lương tháng 6 phải trả cho nhân viên tại ngày 30/6/2021.

4.12. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước cước vận chuyển và phí	-	121.045.542
Dài hạn:		
Trích trước lãi vay phải trả của trái phiếu	1.750.039.967	-

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.156.922.383	4.193.472.383
Các khoản phải trả, phải nộp khác	236.555.211	1.001.281.711
Cộng	<u>3.393.477.594</u>	<u>5.194.754.094</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.146.350.000	1.000.000.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	250.432.768.415	250.432.768.415	579.372.352.681	566.844.135.057	237.904.550.791	237.904.550.791
Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:						
Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
			VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,5%/năm	176.044.961.880	184.973.062.228	176.044.961.880	184.973.062.228
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,5% - 7,5%/năm	12.456.109.787	14.822.966.952	12.456.109.787	14.822.966.952
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	7,5%/năm	15.065.906.935	24.405.662.308	15.065.906.935	24.405.662.308
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,5%/năm	13.046.758.827	13.702.859.303	13.046.758.827	13.702.859.303
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,99% - 7,05%/năm	22.979.686.942	-	22.979.686.942	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	7,0%/năm	10.839.344.044	-	10.839.344.044	-
Cộng			250.432.768.415	237.904.550.791	250.432.768.415	237.904.550.791

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2, được chi tiết như sau:

- (a) Khoản vay được bảo đảm bằng:
- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 20.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 506/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 457/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 461/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 659/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 500.000.000 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Hợp đồng tiền gửi số 142/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.300.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 180/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 571/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 658/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 564/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 555/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 194/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 50.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 657/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 225/2021/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 là 748.993.307 VND – Xem thêm mục 4.7.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 0975000004676, 0975000005196, 0975000017086, 001020824108 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 20.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/2019/HĐTGCKH-LPB-VNT, kỳ hạn 7 tháng, giá trị 1.500.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 04/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.300.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 05/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 145.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 06/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.200.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 07/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.800.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 08/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.237.145.666 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 09/2018/HĐTGCKH-LPB-VNT kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.908.289.368 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 330529269, 331787579, 332059019, 336292049 tại Ngân hàng TMCP Á Châu trị giá 10.000.000.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 703003958743 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam trị giá 13.000.000.000 VND.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/NHNHNPGDBĐ-VNT, kỳ hạn 12 tháng, giá trị 8.000.000.000 VND tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Trái phiếu chuyển đổi

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.479 VND.

(Xem trang tiếp theo)

C.Ư
Y
J.V.A
M
CHI
50
Y
J
V TAI
NG
H.A N

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyên chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	46.870.342.243	211.087.578.672
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	832.161.909	832.161.909
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức 2019	-	-	-	-	(14.272.326.000)	(14.272.326.000)
Tại ngày 30/06/2020	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	32.930.178.152	197.147.414.581
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	13.062.518.610	13.062.518.610
Tại ngày 01/01/2021	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	45.992.696.762	210.209.933.191
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	531.977.480	-	-	531.977.480
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	5.322.605.997	5.322.605.997
Tại ngày 30/06/2021	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	51.315.302.759	216.064.516.668

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.3. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2021	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong kỳ	-	-
Chi trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2021	9.400.293.842	12.000.000.000

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.345.448,22	801.864,50
EUR	92.258,34	12.516,58
SGD	680,86	680,86

4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cước vận chuyển hàng không	290.775.986.553	216.865.947.907
Cước vận chuyển đường biển	233.183.883.542	77.555.013.583
Doanh thu dịch vụ khác	68.666.656.700	39.207.469.098
Cộng	592.626.526.795	333.628.430.588
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	16.246.447.770	23.951.990.724

Xin tham khảo Mục 1.4 về các thông tin có ảnh hưởng đến doanh thu kỳ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	34.335.170.781	21.806.132.156
Chi phí công cụ, dụng cụ	184.001.410	124.965.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.067.293.109	2.647.738.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.522.704.245	287.701.316.115
Chi phí bằng tiền khác	7.523.761.298	6.606.941.561
Cộng	565.632.930.843	318.887.093.668

Giá vốn kỳ này tăng do tăng doanh thu như thuyết minh ở Mục 4.18.

4.20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	2.019.355.785	2.261.800.587
Lãi chênh lệch tỷ giá	670.846.171	710.235.532
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.432.000	-
Cộng	3.094.633.956	2.972.036.119

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	9.793.237.256	6.406.483.484
Lỗ chênh lệch tỷ giá	60.824.194	469.126.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	346.389.407	152.023.558
Cộng	10.200.450.857	7.027.633.239

4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	7.118.921.090	4.695.197.867
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.868.091	49.375.818
Chi phí khấu hao	353.188.113	564.926.250
Thuế, phí và lệ phí	347.474.159	341.130.313
Chi phí dự phòng	1.918.462.778	92.530.394
Chi phí khác	4.450.547.360	3.287.203.377
Cộng	14.235.461.591	9.030.364.019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	41.454.091.871	26.501.330.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.420.481.222	3.212.664.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.083.272.905	287.701.316.115
Dự phòng phải thu khó đòi	1.918.462.778	92.530.394
Chi phí khác	11.992.083.658	10.409.616.206
Cộng	579.868.392.434	327.917.457.687

4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.634.103.933	1.492.744.174
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.511.348.901	1.810.167.152
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(404.432.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	8.741.020.834	3.302.911.326
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.748.204.167	660.582.265
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(1.436.706.231)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	311.497.936	660.582.265

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	579.372.352.681	301.125.209.298
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520	-
Cộng	638.094.975.201	301.125.209.298

4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(566.844.135.057)	(294.127.213.605)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.27. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành:		
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3	351.192.296	385.897.000
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	47.564.983.631	39.808.746.796
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9	(154.347.662)	(170.689.408)
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tạm ứng – Xem thêm mục 4.5:		
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	65.469.089	65.469.089
Ông Lê Đại Thắng – Phó Tổng Giám đốc	2.836.300	-
Cộng	68.305.389	65.469.089
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành:		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.18	16.246.447.770	23.951.990.724
Mua dịch vụ	11.268.522.706	5.781.194.920

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	528.222.222	470.652.222
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	517.111.111	391.111.111
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	270.000.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	-
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	-
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Cộng		2.268.888.888	1.437.318.888

4.28. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	56.000.000	61.111.112

4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập